

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HN&GD-ST

Ngày 22/4/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HN&GD ngày 10 tháng 01 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HN&GD ngày 17/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1996

- Bị đơn: Anh Trần Văn K – sinh năm 1992

Đều ĐKKHKT, trú tại: Thôn Xuân M, xã Tuấn V, huyện KT, tỉnh HD.

(Chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Trần Văn K kết hôn ngày 02/01/2018 tại UBND xã Tuấn Hưng (nay là xã Tuấn Việt), huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh K tại thôn Xuân Mang, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2018 lúc đó chị đang mang bầu thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau anh K nghe theo lời mẹ về thường xuyên gây sự với chị, sau đó chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ 2 ngày thì anh K có sang xin lỗi

và chị đã quay về chung sống cùng anh K. Sau khi chị về chung sống cùng anh K thì vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn đến tháng 10 năm 2021 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân cũng xuất phát từ việc anh K không có sự tôn trọng yêu thương chị, thường tỏ thái độ coi thường và gây sự với chị, mặc dù chị đi làm chăm lo cho gia đình nhưng anh K luôn cho rằng chị không quan tâm gì đến gia đình và nghe theo lời mẹ chửi mắng, xúc phạm chị và thậm chí còn đánh đập chị thường xuyên. Việc anh K đánh chị đều có mẹ anh K chứng kiến. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn trầm trọng. Vào cuối năm 2021 xảy ra việc cãi nhau lớn cũng chỉ những mâu thuẫn như lần trước và do anh K luôn dùng chân tay đánh chị khi vợ chồng xảy ra xô xát, anh K đánh đập chị thậm tệ và đuổi chị đi nên chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ cuối năm 2021 cho tới nay và vợ chồng chị cũng ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Trong khoảng thời chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở thì anh K cũng có đến nhưng chỉ đến thăm con, chỉ có duy nhất 1 lần anh K xin lỗi chị và bảo chị quay về nhưng chị vẫn kiên quyết không quay về chung sống cùng anh K. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay chị đề nghị ly hôn với anh Trần Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có 1 con chung: Trần Bảo L – sinh ngày 26/3/2019. Hiện tại con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm công ty TNHH MTV SUNGWON VINA tại Tuấn Việt, Kim Thành với mức thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ăn ở cho mẹ con chị nên chị sẽ đảm bảo tốt việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/01/2022 bị đơn anh Trần Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 02/01/2018 tại UBND xã Tuấn Hưng (nay là xã Tuấn Việt), huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh tại thôn Xuân Mang, xã Tuấn Việt. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhưng đỉnh điểm mâu thuẫn là vào cuối năm 2021. Nguyên nhân là do chị L không quan tâm gì đến gia đình, mãi bán hàng không về nấu cơm cho con cái và chăm lo cho gia đình nên anh có bảo chị L thì vợ chồng lại to

tiếng với nhau, trong lúc nóng giận thì anh có đánh chị L, việc đó thỉnh thoảng diễn ra trong cuộc sống. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình khuyên bảo hoà giải nhưng chị L vẫn kiên quyết không quay về chung sống với anh và tình cảm vợ chồng vẫn xa cách, lạnh nhạt với nhau. Sau đó chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Xuân Mang, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành ở từ cuối năm 2021 cho tới nay và anh chị cũng ly thân nhau từ đó cho tới nay, chị L cũng không còn quan tâm gì đến anh nữa. Trong khoảng thời gian đó anh cũng đến gặp chị L để bảo chị L quay về nhưng chị L vẫn kiên quyết không quay chung sống cùng anh. Nay anh xác định còn tình cảm với chị L vì anh muốn con anh có bố có mẹ nên nay chị L muốn ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ chồng có thời gian về để nói chuyện lại với nhau. Nếu như vợ chồng đã về nói chuyện rồi mà vẫn không thể hàn gắn được mâu thuẫn thì lúc đó anh sẽ có quan điểm sau với Toà án.

Về con chung: Anh và chị L có 1 con chung: Trần Bảo Lâm – sinh ngày 26/3/2019. Hiện tại con chung đang ở với chị L vì chị L về nhà bố mẹ đẻ và cũng cho con về ở đó luôn. Vì anh không muốn ly hôn với chị L nên Toà án có hỏi anh quan điểm về con chung thì anh không có quan điểm gì vì anh không đồng ý ly hôn. Hiện tại anh làm công việc bán hàng ở chợ ở Hải Phòng, thu nhập bình quân của anh là 15.000.000 đồng, vì anh không làm công ty nên anh không thể cung cấp cấp bảng lương hay bảng xác nhận thu nhập cho Toà án được.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án xác minh tại UBND xã Tuấn Việt xác định: Anh K và chị L trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2021 cho tới nay không chung sống cùng anh K nữa.

Toà án làm việc với bà Phạm Thị Như là mẹ đẻ chị L cũng xác định: Chị L và anh K sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên xúc phạm, đánh đập chị L. Chị L đã phải bỏ về nhà bà ở nhiều lần, chị L cũng tha thứ cho anh K nhiều lần nhưng anh K vẫn chứng nào tật ấy luôn dùng bạo lực gia đình với chị L. Đỉnh điểm vào cuối năm 2021 anh K lại tiếp tục đánh chị L nên chị L cùng với con nhỏ đã phải bỏ về nhà bà ở từ đó cho tới nay, không quay về chung sống cùng anh K nữa. Anh K có đến nhà bà 2 lần nhưng chỉ để thăm con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, chị L vẫn kiên quyết không quay về chung sống cùng anh K. Nay

chị L có đơn xin ly hôn anh K, bà đề nghị Toà án sớm giải quyết ly hôn cho chị L. Nếu chị L được nuôi con thì bà sẽ luôn tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho chị L, hiện tại chị L đi làm có thu nhập nên sẽ đảm bảo việc nuôi con.

Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử chị L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Chị Loan vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Anh K đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn K. Về con chung: Giao con chung Trần Bảo L – sinh ngày 26/3/2019 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Loan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn K kết hôn vào năm 2018, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tôn trọng và yêu thương nhau, anh K thường đánh chị L. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Anh K

cũng xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện vợ chồng vẫn đang sống ly thân nhau. Chị L vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh K. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Loan và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xin được ly hôn anh Trần Văn K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 01 con chung Trần Bảo L – sinh ngày 26/3/2019. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con chung còn nhỏ và đang ở cùng chị L nên cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Chị L có công việc và thu nhập ổn định, bố mẹ đẻ chị L cũng luôn tạo điều kiện về chỗ ăn, ở sinh hoạt tốt nhất để chị nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh K từ chối bày tỏ quan điểm về vấn đề nuôi con, Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của con chung, Toà án giao con chung Trần Bảo Lâm – sinh ngày 26/3/2019 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh K đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn K.
2. Về con chung: Giao con chung: Trần Bảo L – sinh ngày 26/3/2019 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2020/0002606 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

